

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN DÀI
(Từ ngày 01 đến 31/10/2024)

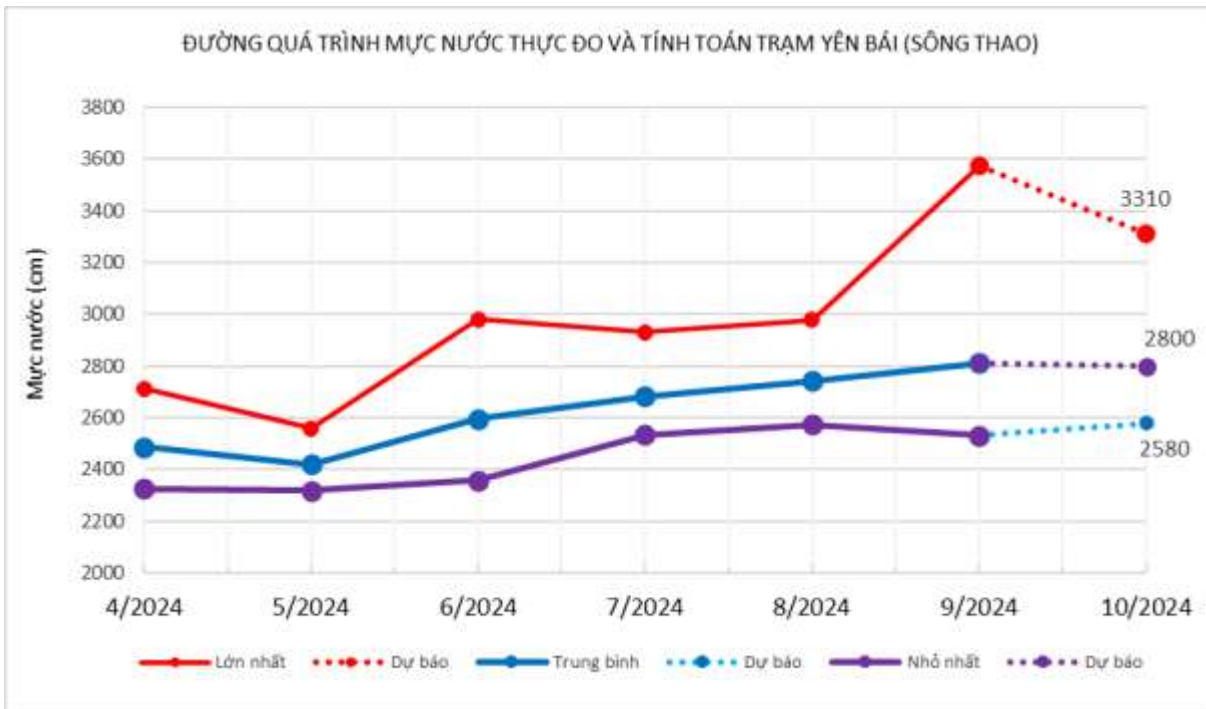
1. Khu vực Miền núi phía Bắc

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

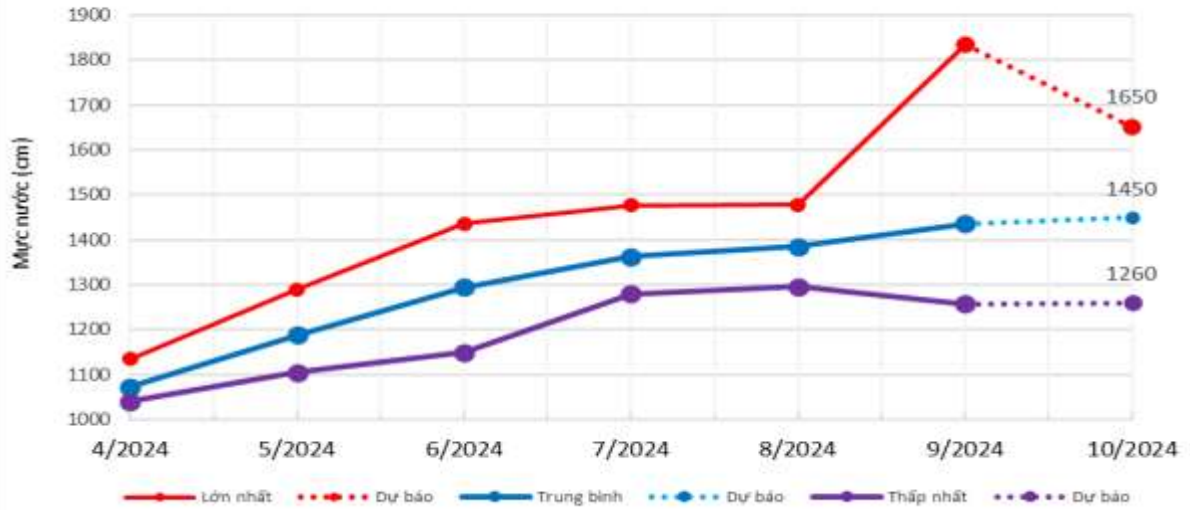
Trong tháng 9, từ ngày 7-11/9 trên sông Thao xuất hiện 1 đợt lũ đặc biệt lớn với biên độ lũ lên từ 3-10m, một số trạm đã vượt mức lũ lịch sử. Đỉnh lũ tại Yên Bái 35,73m (lúc 17h/10/9) trên BĐ3 3,73m, trên mức lũ lịch sử năm 1968 (34,42m) là 1,31m; Tại Phú Thọ 18,34m, trên BĐ2 0,14m. Sau đó mực nước biến đổi chậm. Sông Lô xuất hiện đợt lũ lớn bất thường với mực nước đỉnh lũ là 27,73m ngày 11/9 do thủy điện Tuyên Quang mở 8 cửa xả đáy kết hợp với mưa lớn của hoàn lưu bão số 3.

b. Dự báo, cảnh báo

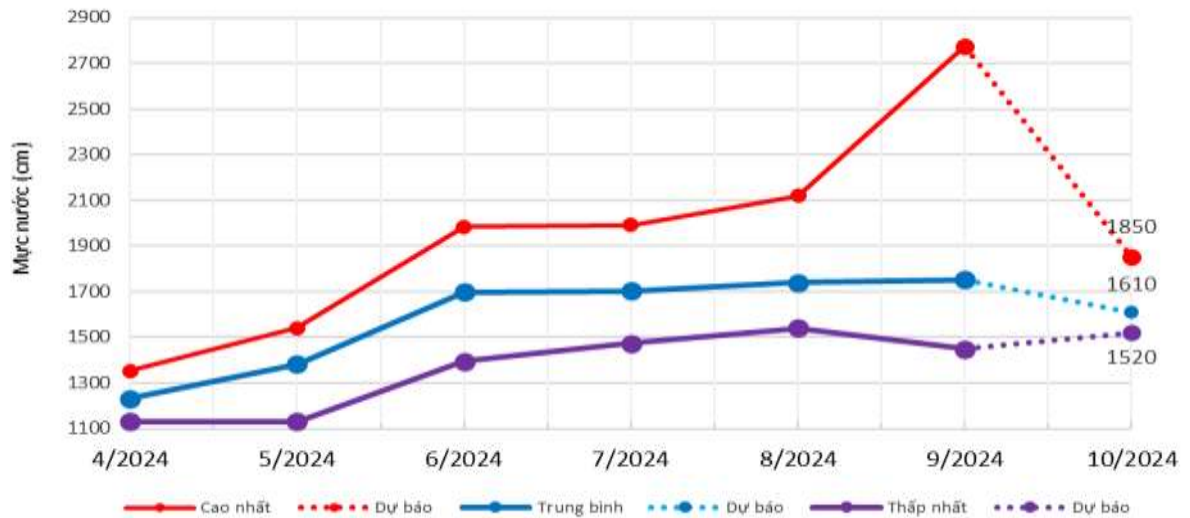
Trong tháng 10, trên lưu vực sông Thao có khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ. Mực nước trên sông Lô sẽ biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.



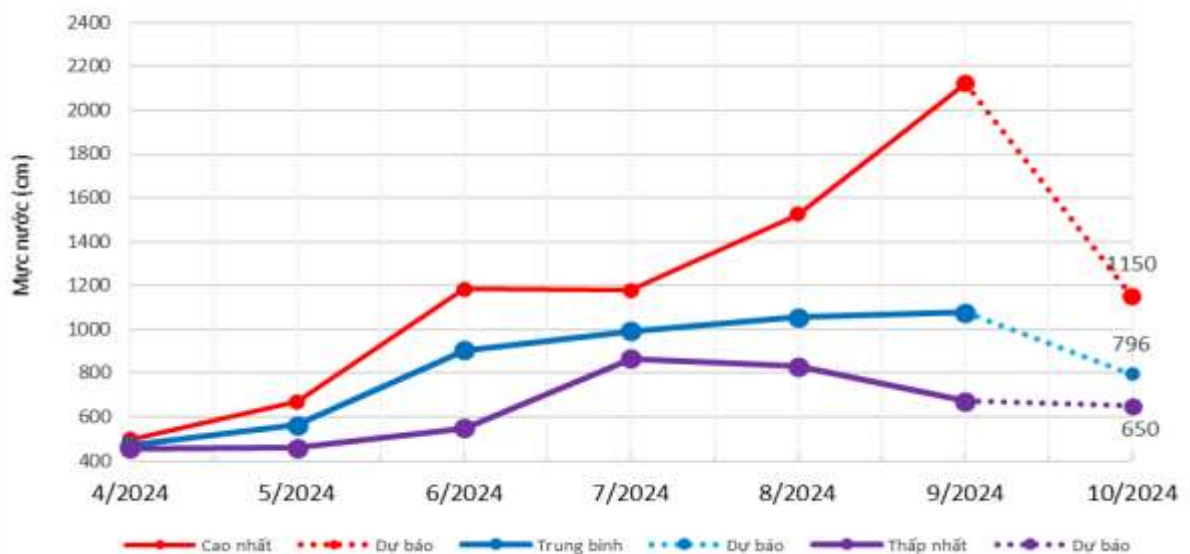
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHÚ THỌ (SÔNG THAO)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TUYẾN QUANG (SÔNG LÔ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM VỤ QUANG (SÔNG LÔ)



2. Khu vực Đồng Bằng và Trung du Bắc Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Trong tháng 9, trên sông Đà đến hồ Hòa Bình đã xuất hiện 02 đợt lũ: 01 đợt lũ do ảnh hưởng của hoàn lưu sao bão, đỉnh lũ đến hồ Hòa Bình đạt mức 8341m³/s (22h/8/9), trên BĐ1: 341m³/s; 01 đợt lũ do ảnh hưởng của không khí lạnh và hội tụ nhiệt đới đỉnh lũ đến hồ Hòa Bình đạt mức 9206 m³/s (19h30/22/9), dưới BĐ2 794m³/s. Thực hiện Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hồng, thủy điện Hòa Bình đã vận hành 2 cửa xả đáy.

- Từ ngày 07-12/9, trên hệ thống sông Thái Bình đã xuất hiện một đợt lũ lớn và đặc biệt lớn. Trong đợt lũ này, đỉnh lũ tại tất cả các trạm đều vượt mức báo động 3, tại Đáp Cầu và Phủ Lạng Thương xấp xỉ mức lũ lịch sử, các trạm khác trên sông Cầu đã vượt mức lũ lịch sử.

- Mức nước hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội lên nhanh và đạt đỉnh 11,30m (2h/12/9) dưới BĐ3 là 0,20m, (là đỉnh lũ lớn nhất tính từ sau trận lũ 18/8/2002 (12,01m) đến nay) do tổ hợp lũ lớn của cả 3 nhánh sông Đà, Thao, Lô.

- Mức nước trên sông Bôi tại trạm Hưng Thi (thượng lưu sông Hoàng Long) đã xảy ra 04 đợt lũ trong tháng 9 với đỉnh lũ cao nhất đạt 15,59m (9h/8/9) trên BĐ3 là 2,59m. Trên sông Hoàng Long tại Bến Đé xảy ra 3 đợt lũ trong đó đỉnh lũ cao nhất tại Bến Đé đạt 4,93m (19h/12/9) trên mức BĐ3 là 0,93m tuy nhiên vẫn ở mức thấp hơn lũ lịch sử năm 2017 (5,53m).

- Từ 07-12/9, trên hệ thống sông Thái Bình đã xuất hiện một đợt lũ lớn, đỉnh lũ tại trạm Phả Lại trên sông Thái Bình đạt trên mức báo động 3.

b. Dự báo, cảnh báo

Trong tháng 10,

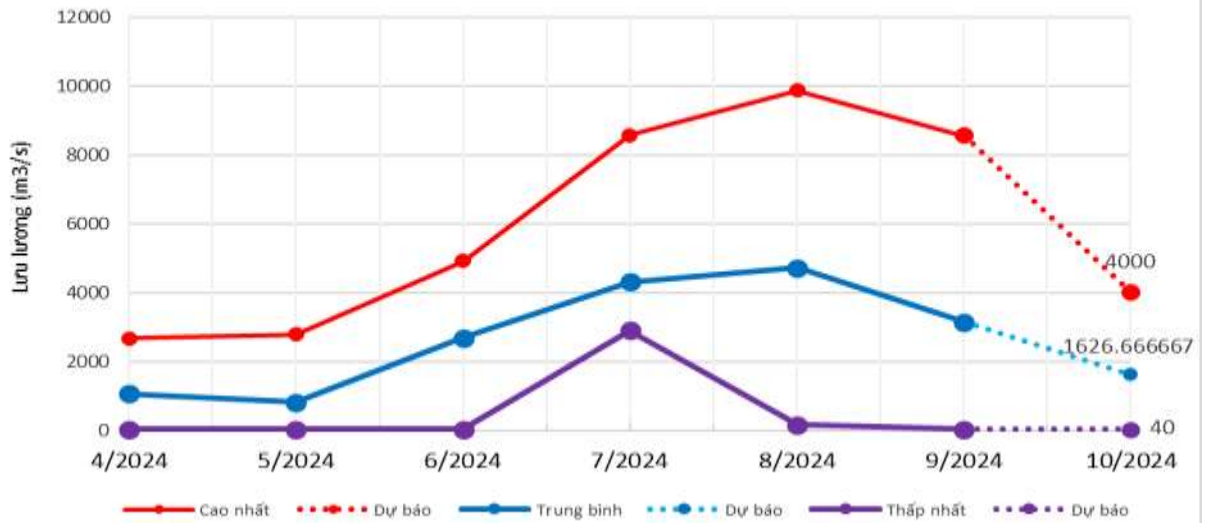
- Trên sông Đà, lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo thủy điện Sơn La;

- Trên các sông chính thuộc khu vực Đông Bắc như sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam có khả năng sẽ xuất hiện từ 01-02 đợt lũ hoặc dao động nhỏ. Mức nước sông Thái Bình tại Phả Lại biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

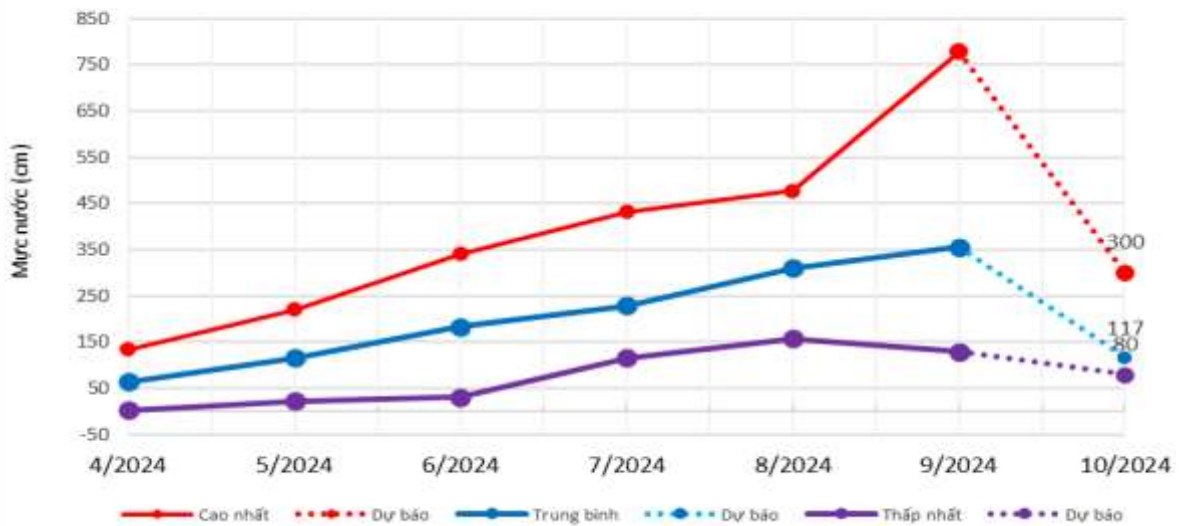
- Mức nước hạ lưu sông Hồng sẽ biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên cũng như lũ trên các sông thượng nguồn.

- Mức nước sông Hoàng Long tại Bến Đé có khả năng xảy ra một đợt lũ.

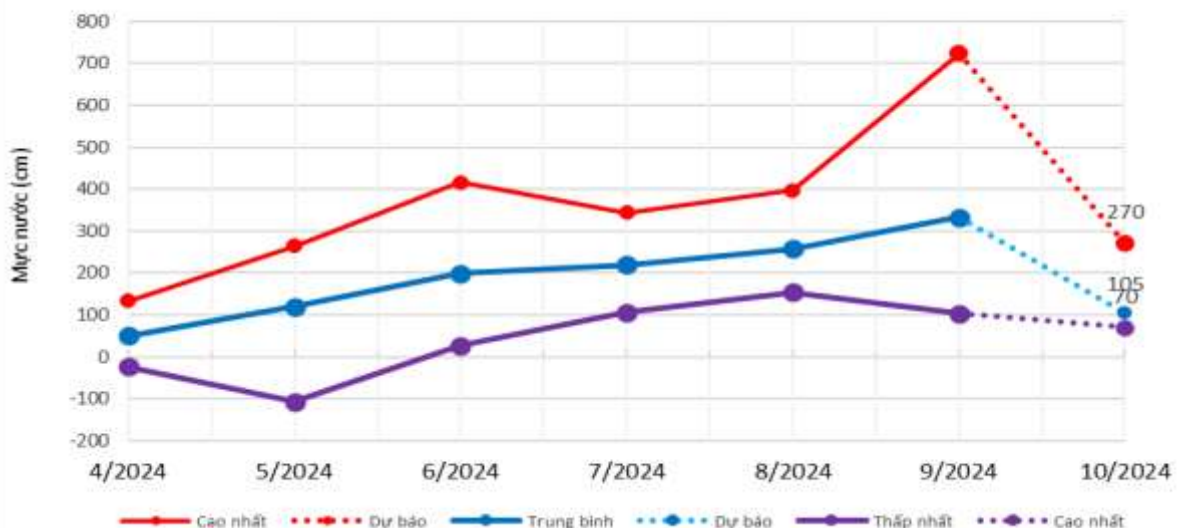
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH LƯU LƯỢNG THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÒA BÌNH (SÔNG ĐÀ)



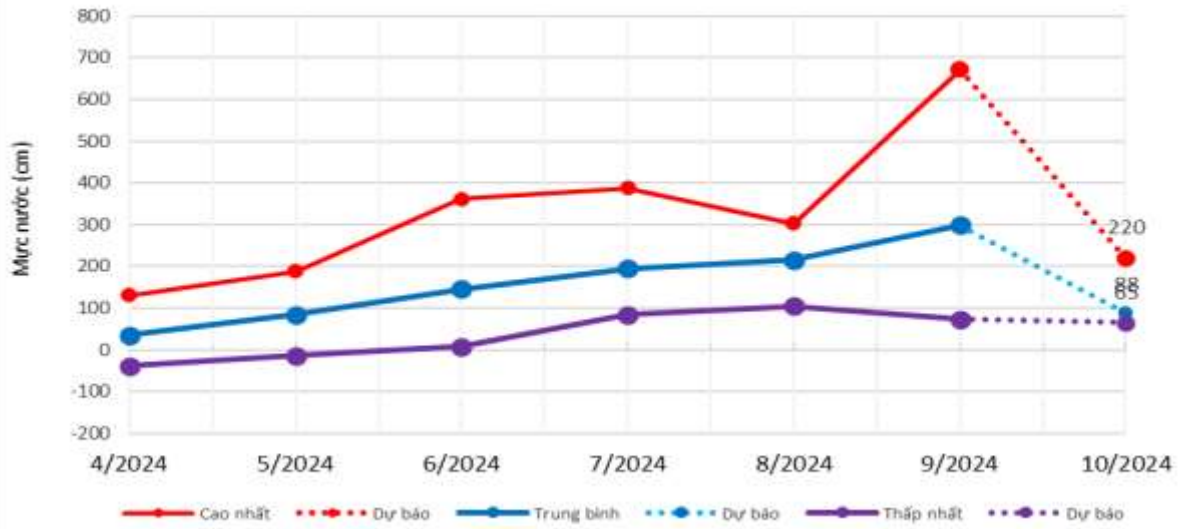
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM ĐÁP CẦU (SÔNG CẦU)



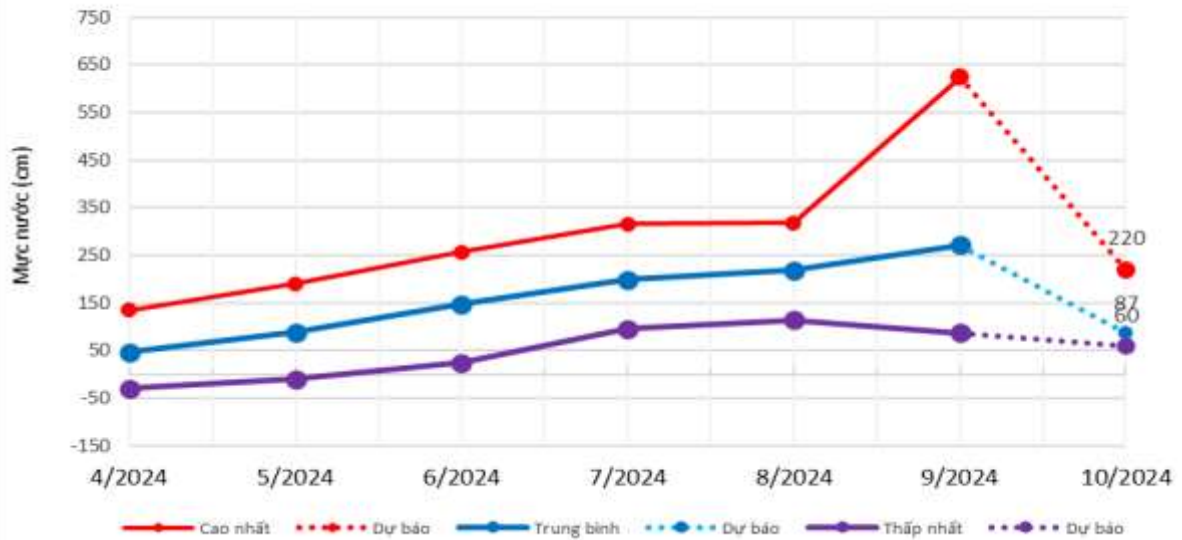
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHỦ LẠNG THƯỢNG (SÔNG THƯỢNG)



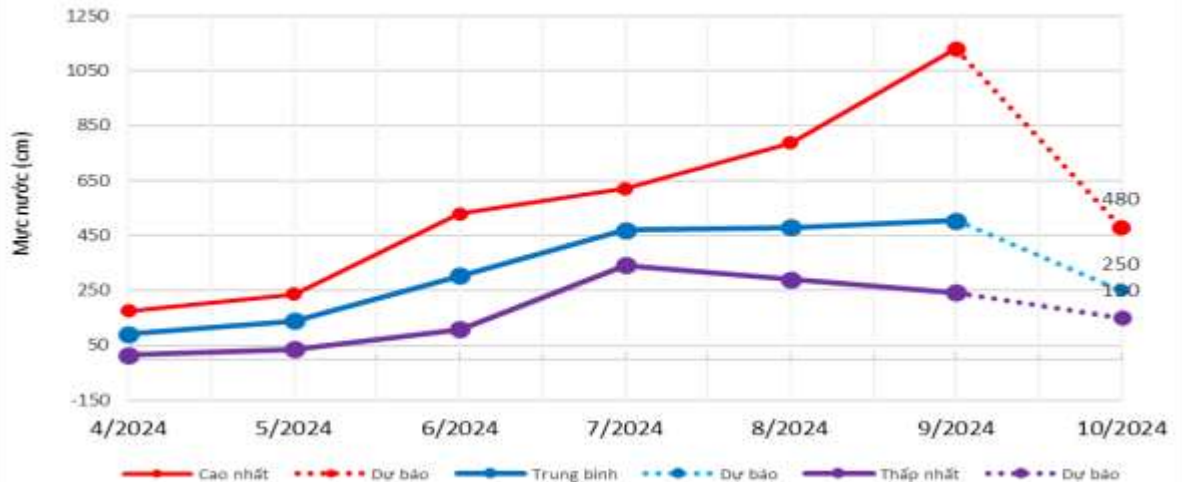
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LỤC NAM (SÔNG LỤC NAM)

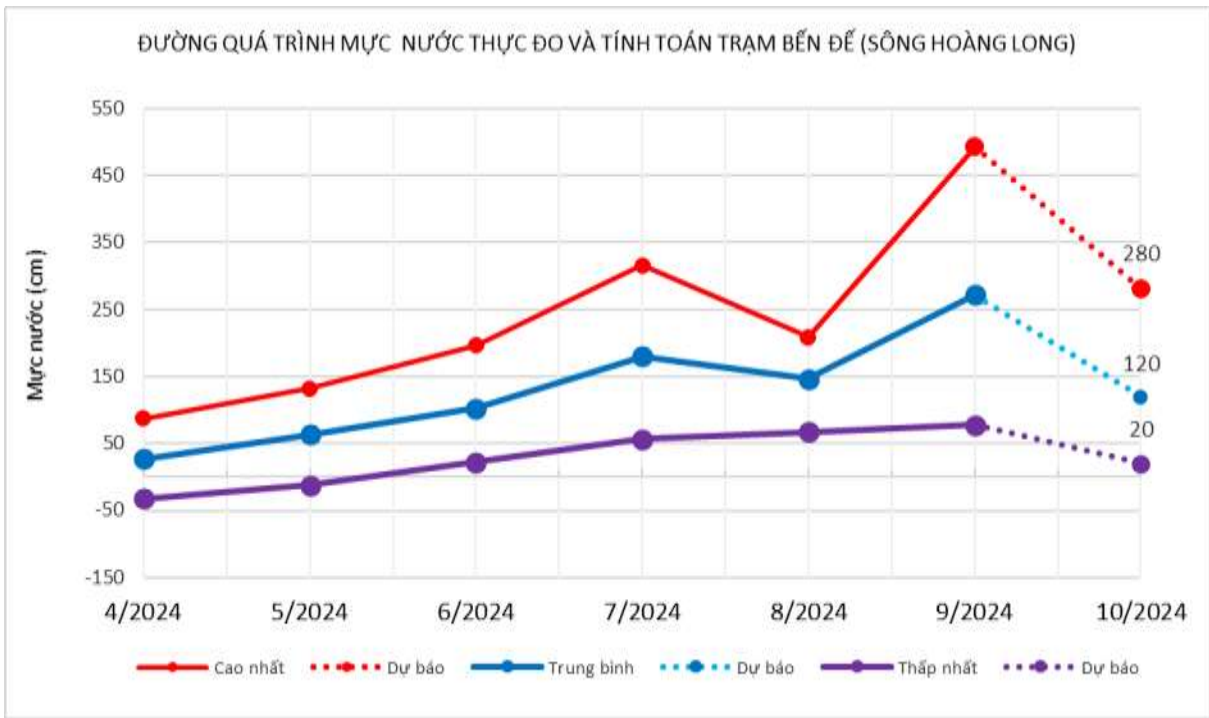


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHẢ LẠI (SÔNG THÁI BÌNH)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÀ NỘI (SÔNG HỒNG)





3. Khu vực Bắc Trung Bộ

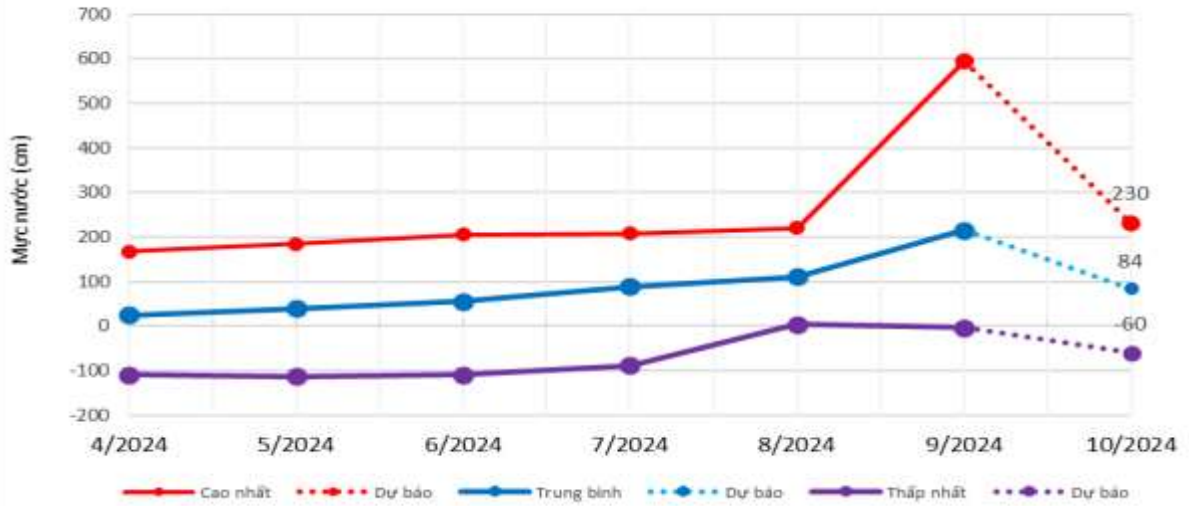
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong tháng 9, các sông trên khu vực xuất hiện 2 đợt lũ vào các ngày 07-09/9 và ngày 19-23/9. Đợt lũ ngày 07-09/9 xảy ra trên các sông từ Thanh Hóa đến Nghệ An, mực nước đỉnh lũ trên sông Mã, sông Bưởi và thượng nguồn sông Cả ở mức BĐ1-BĐ2, hạ lưu sông Mã tại Giàng và trung hạ lưu sông Cả còn dưới mức BĐ1. Đợt lũ từ ngày 19-23/9 xảy ra trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh. Mực nước đỉnh lũ trên sông Bưởi, thượng nguồn sông Mã, sông Chu phổ biến ở mức BĐ2-BĐ3, có nơi trên BĐ3 như tại Kim Tân 12,18m, trên BĐ3 0,18m; tại Cẩm Thủy 20,23m, trên BĐ3 0,10m; tại Cửa Đạt 32,10m, trên BĐ3 1,10m; mực nước hạ lưu sông Mã, sông Chu ở mức BĐ1-BĐ2 và trên BĐ2. Mực nước đỉnh lũ trên các sông ở Nghệ An phổ biến ở mức BĐ1-BĐ2, hạ lưu sông Cả tại Nam Đàn dao động ở mức BĐ1. Các sông ở Hà Tĩnh: trên sông Ngàn Phố xuất hiện lũ hai đỉnh, mực nước đỉnh lũ đều trên BĐ2 từ 0,43-0,88m; sông Ngàn Sâu ở mức BĐ1-BĐ2, hạ lưu sông La còn dưới mức BĐ1. Lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng hơn so với tháng trước.

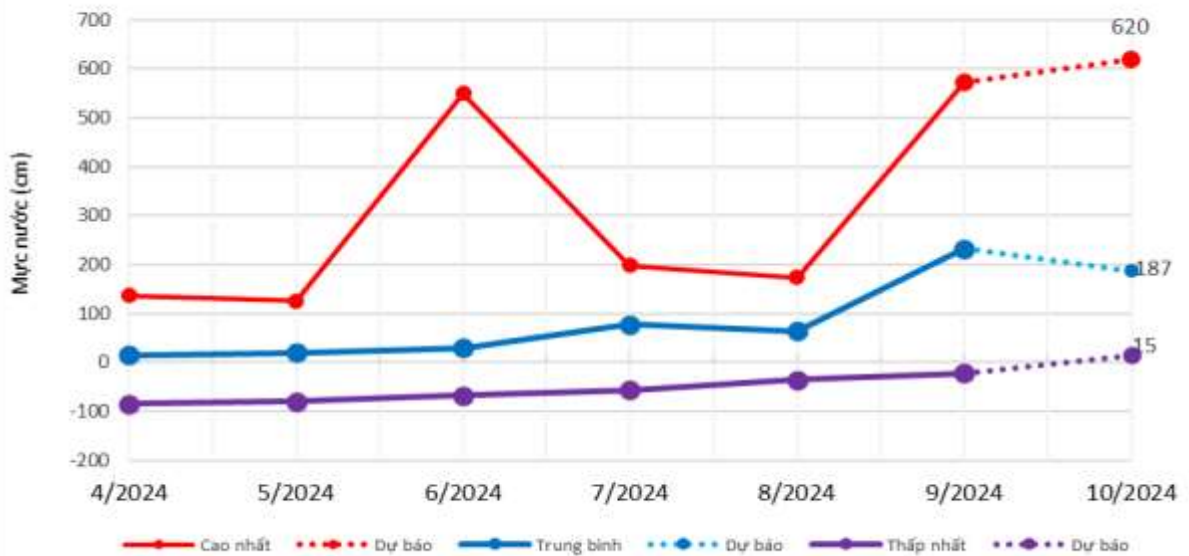
b. Dự báo, cảnh báo

Trong tháng 10, trên các sông ở Nghệ An và Hà Tĩnh khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ, các sông ở Thanh Hóa xuất hiện 1-2 đợt dao động mạnh. Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh tăng hơn so với tháng trước, riêng các sông ở Thanh Hóa giảm hơn.

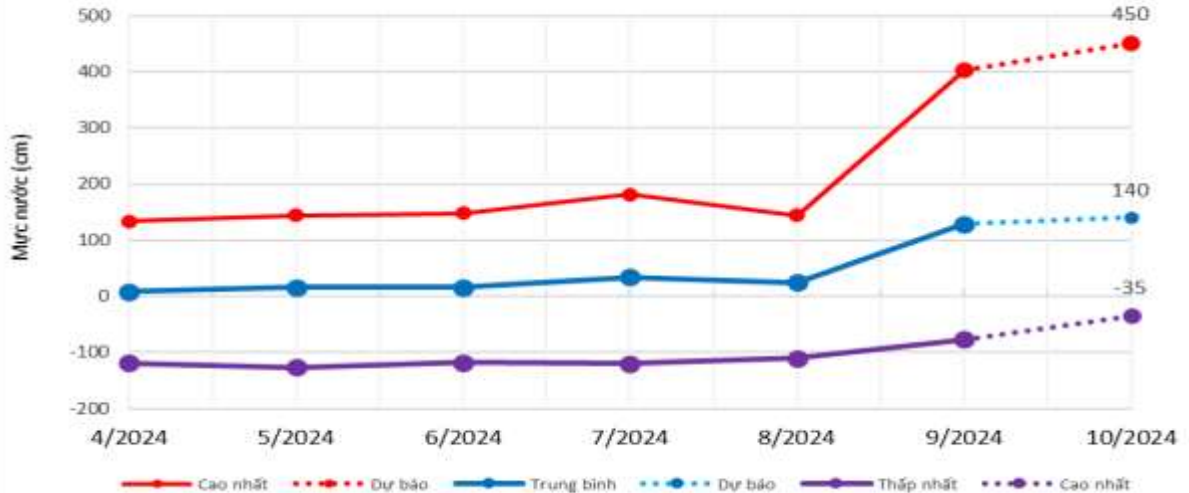
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM GIÀNG (SÔNG MÃ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM NAM ĐÀN (SÔNG CÁ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LINH CẨM (SÔNG LA)



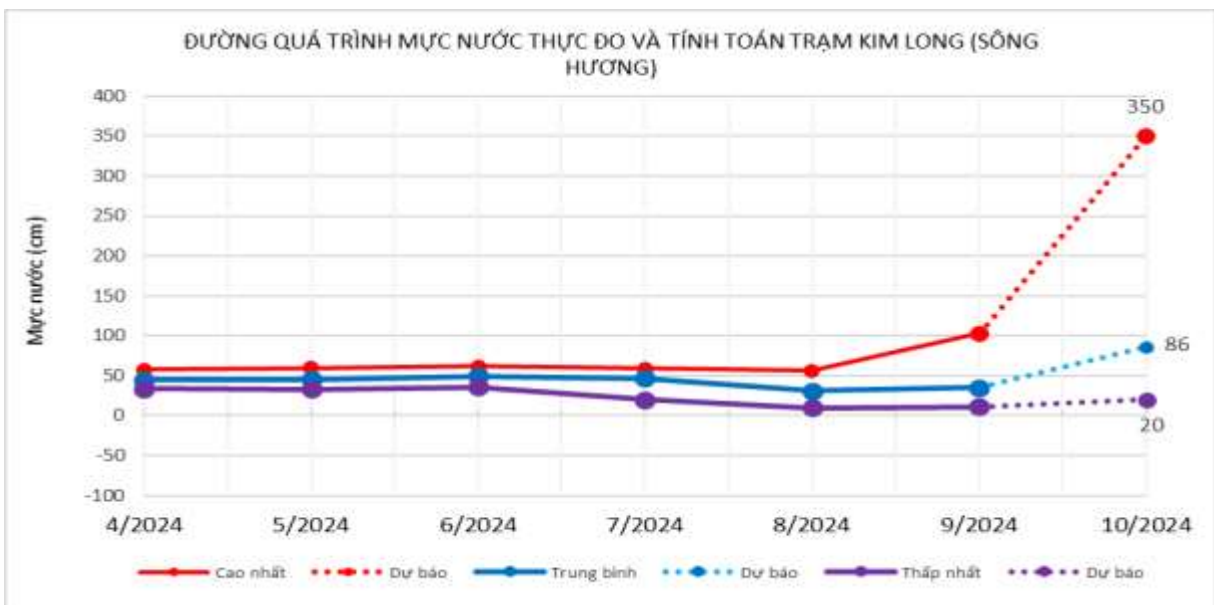
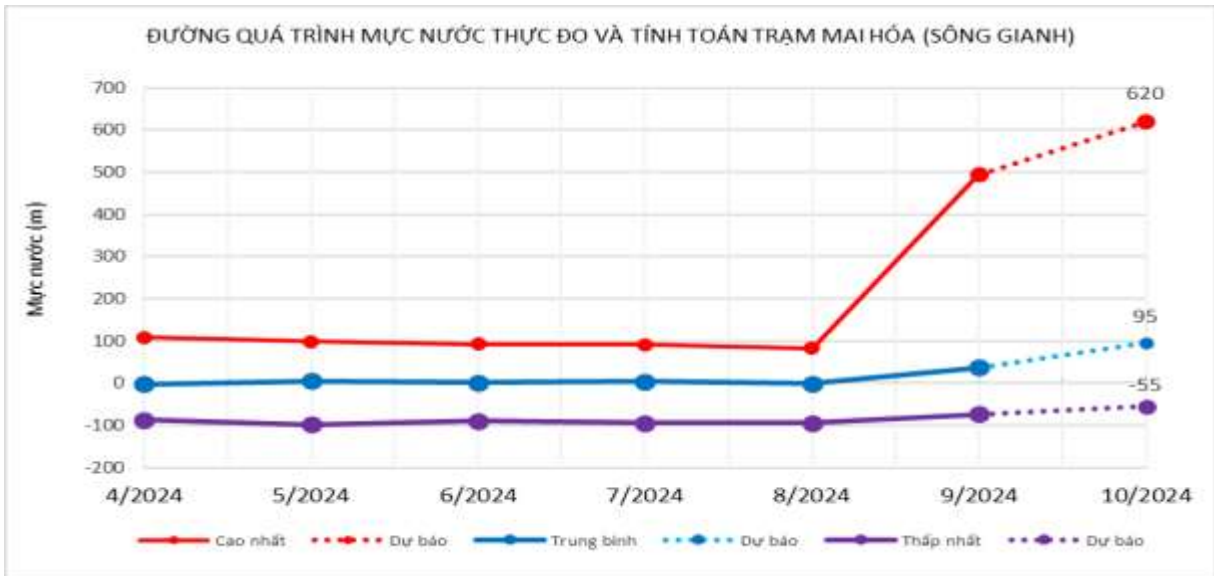
4. Khu vực Trung Trung Bộ

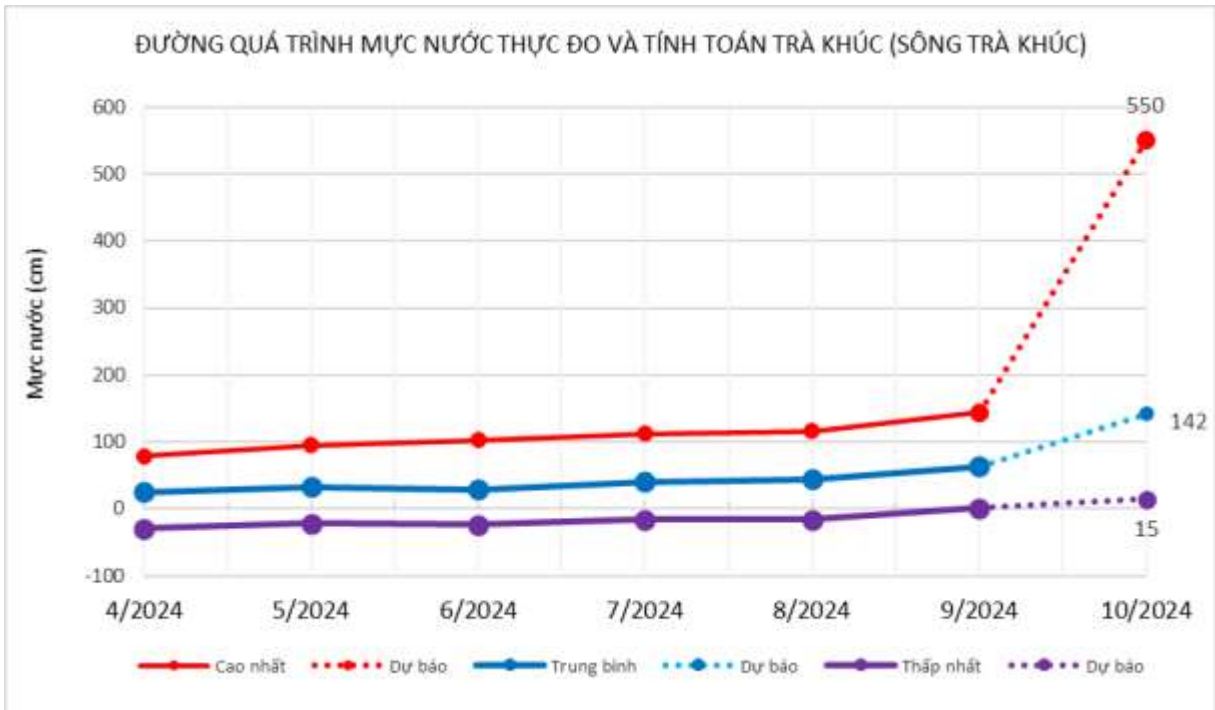
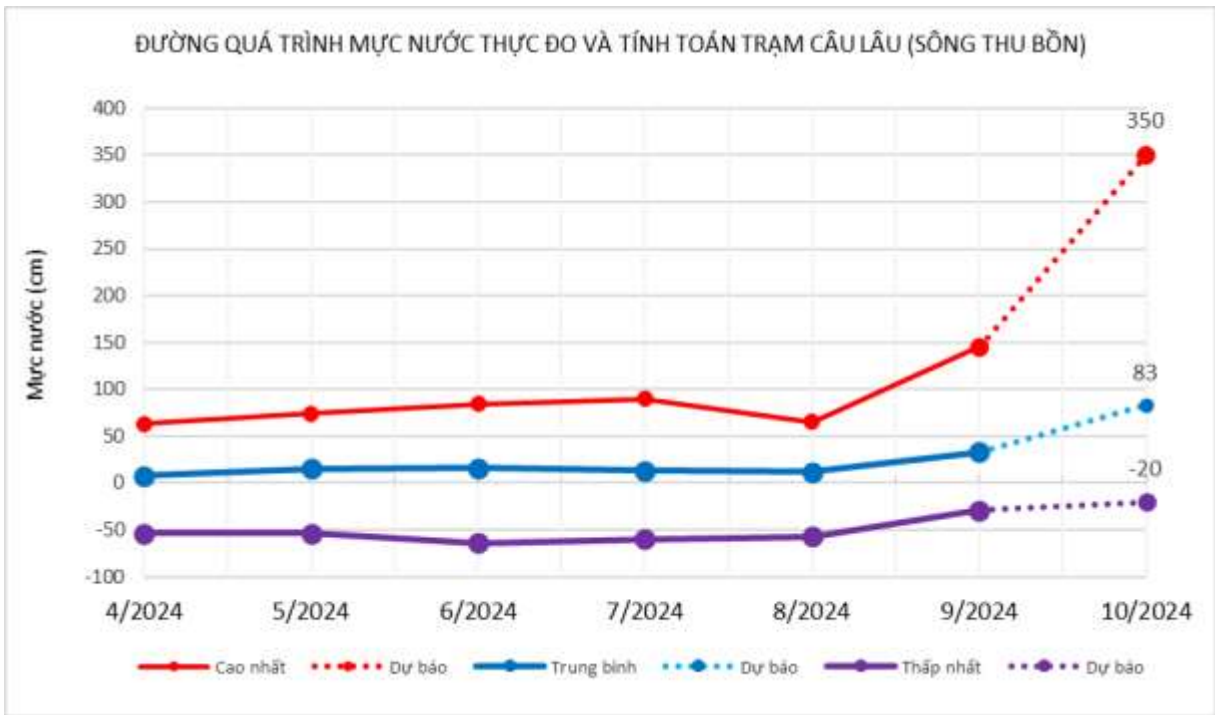
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong tháng 9, trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Nam đã xuất hiện một đợt lũ từ ngày 18-20/9. Đỉnh lũ trên sông Gianh tại Mai Hóa 4,94m (10h/20/9), ở mức xấp xỉ BĐ2; trên sông Kiến Giang tại Lệ Thủy 1,96m (04h/20/9), dưới BĐ2 0,24m; trên sông Thạch Hãn tại Thạch Hãn 3,71m (01h/20/9), trên BĐ1 0,71m và sông Hương tại Kim Long 1,03m (01h/20/9), trên BĐ1 0,03m, các sông Quảng Nam và các sông khác còn dưới mức BĐ1; các sông Quảng Ngãi mực nước có dao động.

b. Dự báo, cảnh báo

Trong tháng 10, trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi có khả năng xuất hiện 2-3 đợt lũ. Đỉnh lũ cao nhất tháng có khả năng ở mức BĐ2-BĐ3, có sông trên mức BĐ3.





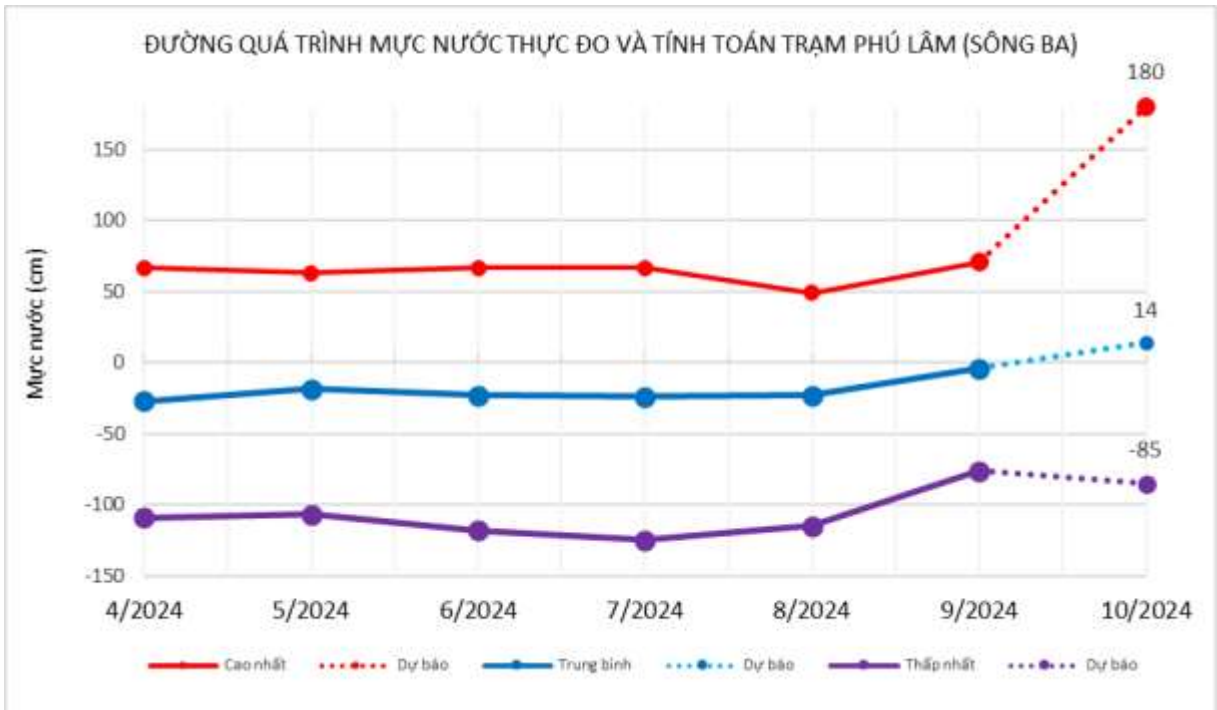
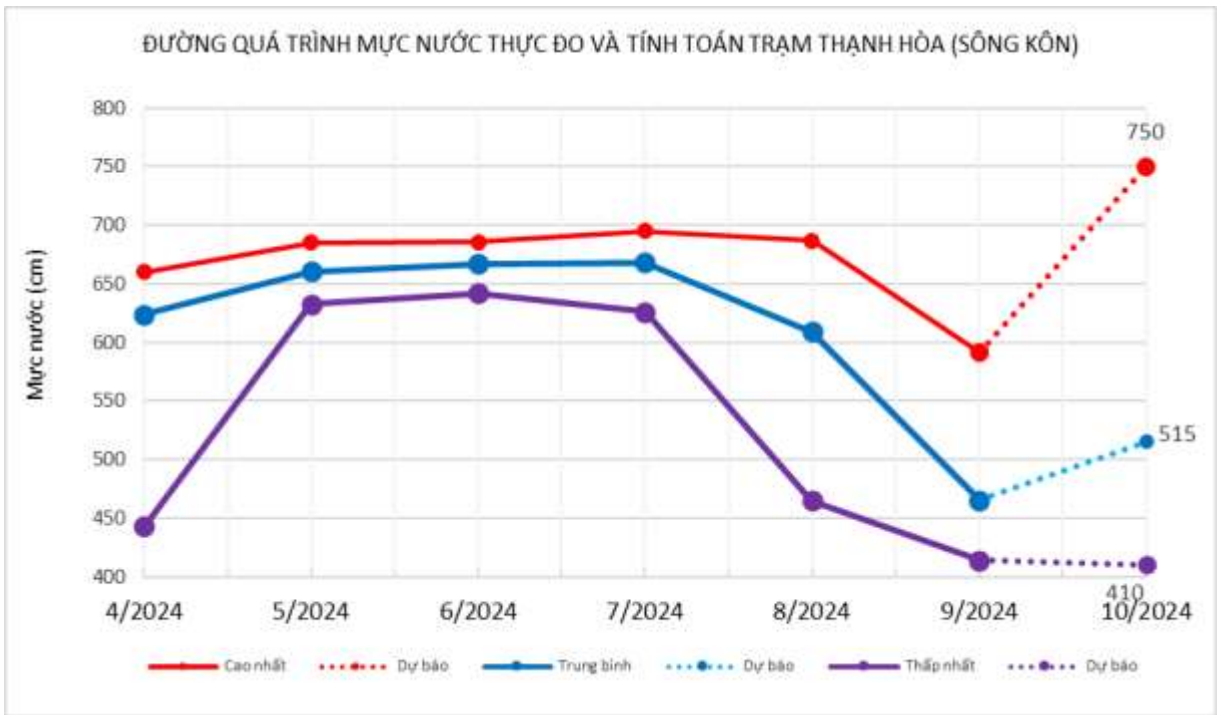
5. Khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong tháng 9, mực nước trên các sông từ Bình Định đến Bình Thuận dao động nhỏ. Mực nước hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Trong tháng 10, trên các sông từ Bình Định đến Bình Thuận có khả năng xảy ra 1-2 đợt lũ và dao động. Mực nước hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.



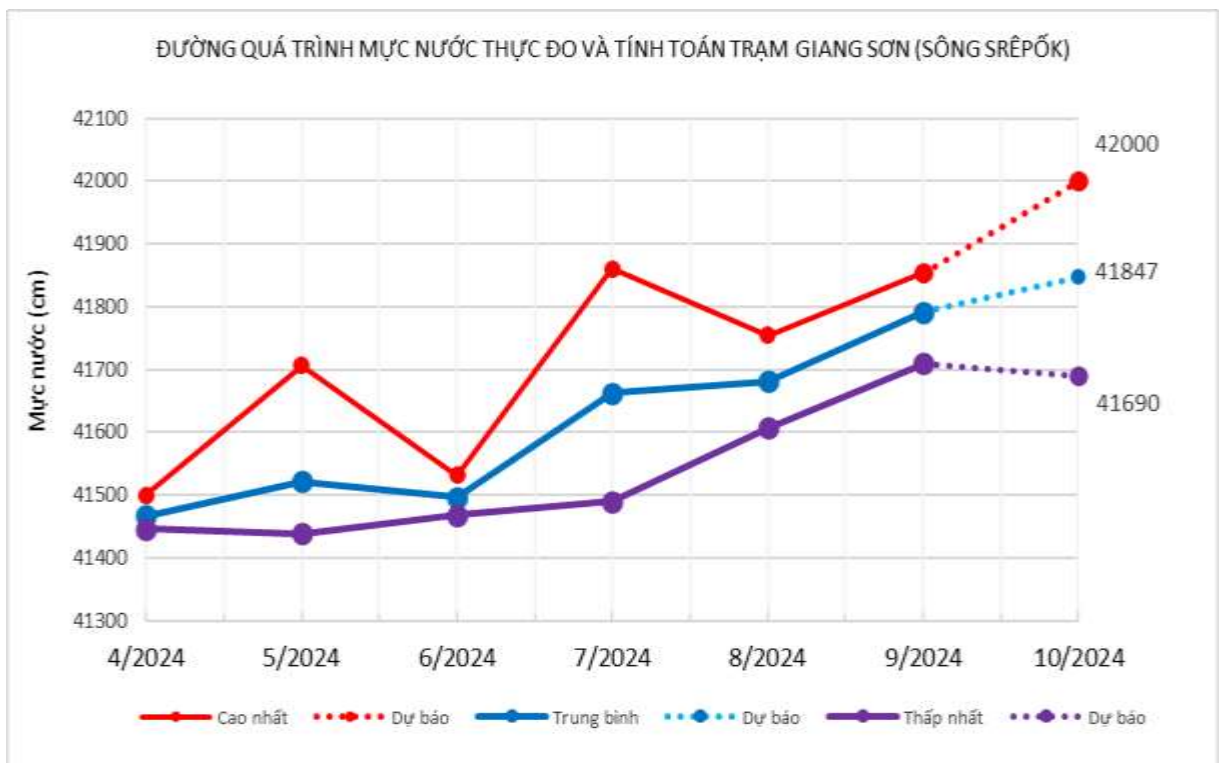
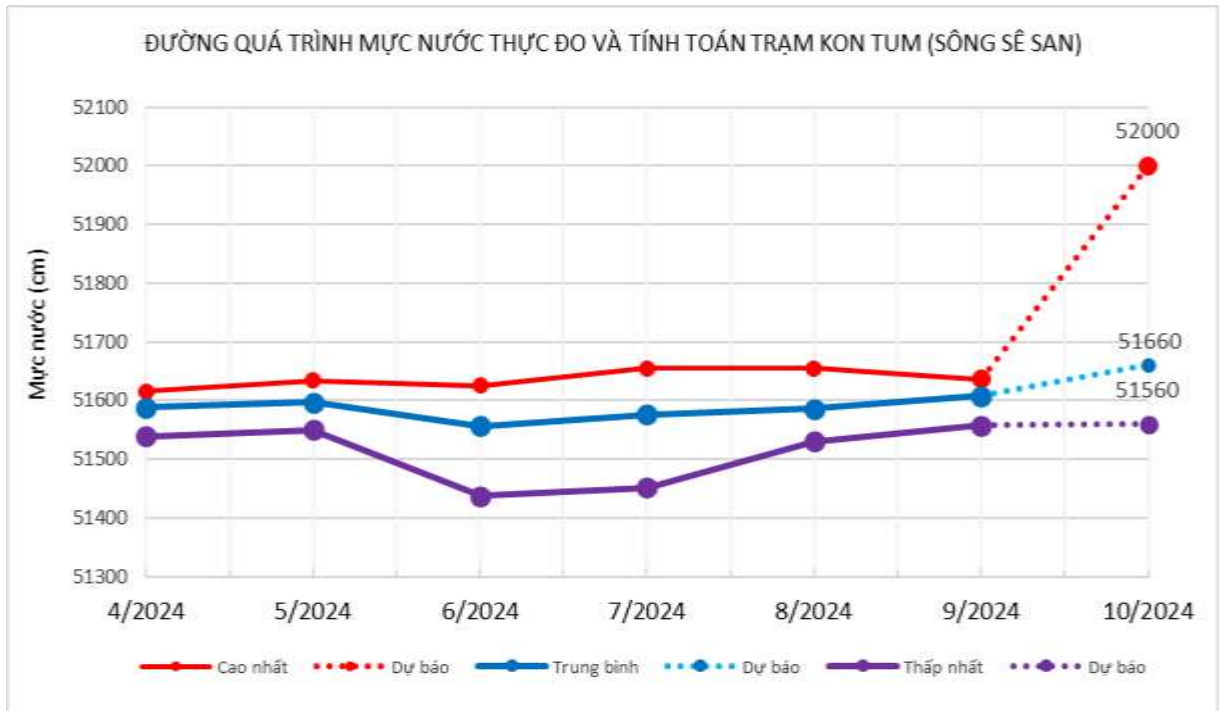
6. Khu vực Tây Nguyên

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong tháng 9, trên sông Đăk Tô Kan (Kon Tum), hạ lưu sông Srêpôk (Đăk Lăk) và sông Cam Ly (Lâm Đồng) đã xuất hiện lũ. Đỉnh lũ trên sông Đăk Tô Kan tại trạm Đăk Tô 577,61m (01h/16/9), dưới BĐ2 0,39m, trên sông Srêpôk tại trạm Bản Đôn 171,33m (01h/24/9), trên BĐ1 0,33m, trên sông Cam Ly tại trạm Thanh Bình 832,73m (09h/02/9), dưới BĐ3 0,27m. Mức nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện và các công trình thủy lợi. Mức nước trên sông Krông Ana dao động.

b. Dự báo, cảnh báo

Trên các sông có khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ. Mức nước trên sông Krông Ana dao động theo xu thế lên dần, các sông khác phổ biến dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện và các công trình thủy lợi.



7. Khu vực Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong tháng qua 9, trên sông Đồng Nai tại Tà Lài xuất hiện 3 đợt lũ và 1 đợt dao động. Đỉnh lũ cao nhất trên sông Đồng Nai tại Tà Lài 112,76m (05h/22/9) trên BD2 0,26m.

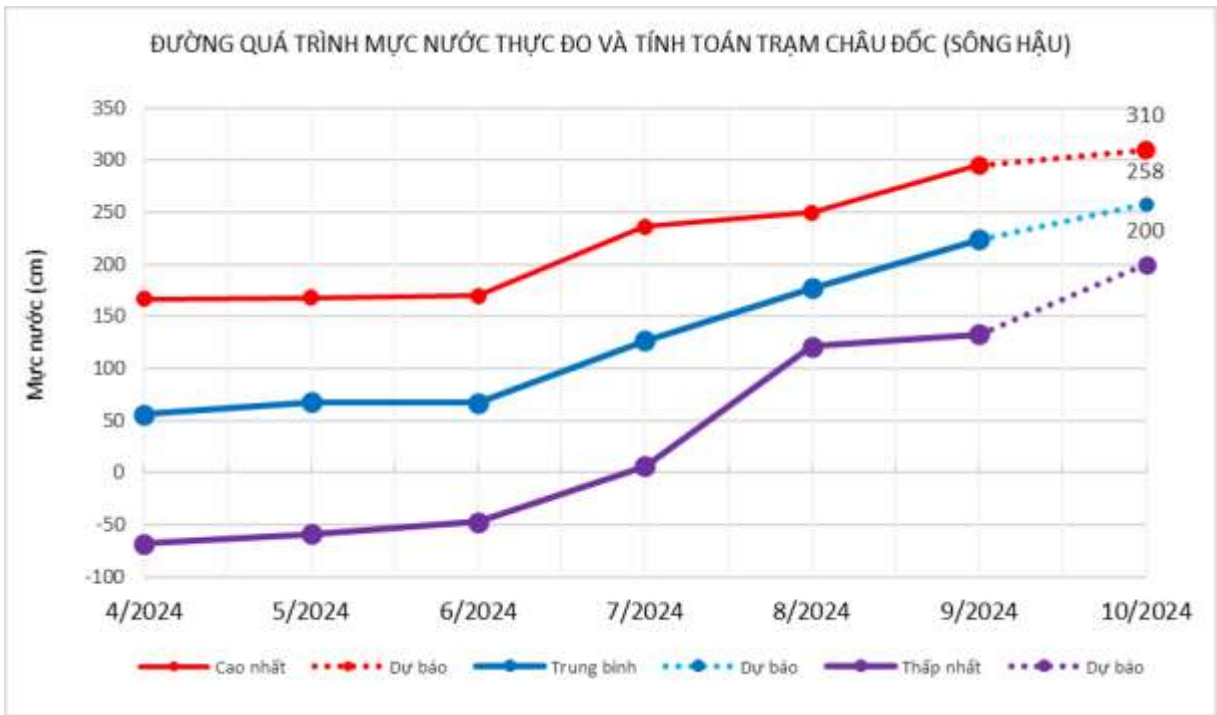
Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều với xu thế lên dần. Mức nước cao nhất trên sông Tiền tại Tân Châu 3,29m (ngày 30/9), trên sông Hậu tại Châu Đốc 2,95m (ngày 30/9).

b. Dự báo, cảnh báo

Trong tháng 10, trên sông Đồng Nai tại Tà Lài xuất hiện 1-2 đợt lũ nhỏ.

Mức nước sông Cửu Long dao động theo triều, mức nước cao nhất tháng trên sông Tiền tại Tân Châu 3,40m, trên sông Hậu tại Châu Đốc 3,10m.





Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/11/2024

Tin phát lúc: 15h00

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin

Phùng Tiến Dũng

Bảng số liệu mực nước thực đo và dự báo trên các sông chính

Đơn vị: cm

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo											
					10 ngày đầu			10 ngày giữa			10 ngày cuối			Tháng		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	3059	8552	40	2380	4000	500	1400	2900	160	1100	2600	40	1626	4000	40
Thao	Yên Bái	2884	3573	2533	2850	3310	2580	2750	2800	2600	2700	2770	2580	2800	3310	2580
Thao	Phú Thọ	1488	1834	1257	1450	1650	1300	1340	1420	1280	1300	1380	1260	1450	1650	1260
Lô	Tuyên Quang	1847	2773	1449	1630	1850	1560	1610	1700	1580	1590	1750	1520	1610	1850	1520
Lô	Vụ Quang	1188	2121	673	900	1150	750	780	950	680	710	830	650	796	1150	650
Cầu	Đáp Cầu	494	779	130	130	300	90	120	280	90	100	270	80	117	300	80
Thương	Phủ Lạng Thương	474	723	103	110	250	80	110	270	90	95	270	70	105	270	70
Lục Nam	Lục Nam	443	672	73	100	220	65	100	210	70	65	220	65	88	220	65
Hồng	Hà Nội	564	1130	242	320	480	240	250	400	180	180	260	150	250	480	150
Hoàng Long	Bến Đé	334	493	78	100	155	60	160	280	50	100	160	20	120	280	20
Thái Bình	Phả Lại	380	625	87	90	210	70	100	220	80	70	200	60	87	220	60

Mã	Giàng	216	594	-4	110	205	-5	75	230	-10	66	180	-60	84	230	-60
Cả	Nam Đàn	233	572	-22	130	170	15	280	620	40	150	230	15	187	620	15
La	Linh cảm	130	402	-77	75	145	-35	255	450	-30	90	230	-20	140	450	-35
Giang	Mai Hóa	42	494	-74	50	250	-55	85	460	-40	150	620	-15	95	620	-55
Hương	Kim Long	35	103	11	52	120	20	90	200	50	115	350	60	86	350	20
Thu Bồn	Câu Lâu	33	145	-29	50	180	-20	80	280	-10	120	350	-5	83	350	-20
Trà Khúc	Trà Khúc	63	144	1	75	200	15	155	420	65	195	550	75	142	550	15
Kôn	Thạnh Hòa	466	597	414	425	600	415	500	680	410	620	750	450	515	750	410
Đà Rằng	Phú Lâm	-4	71	-76	-2	70	-80	5	75	-82	8	180	-85	4	180	-85
Đăkbla	Kon Tum	51609	51637	51558	51610	51650	51560	51680	51850	51575	51690	52000	51590	51660	52000	51560
Krông Ana	Giang Sơn	41792	41854	41710	41740	41800	41690	41875	41920	41730	41925	42000	41850	41847	42000	41690
Đồng Nai	Tà Lài	11201	11276	11119	11190	11220	11175	11180	11195	11160	11155	11190	11140	11175	11220	11140
Tiền	Tân Châu	249	329	155	310	340	290	275	300	250	255	290	220	280	340	220
Hậu	Châu Đốc	224	295	133	280	310	250	260	285	230	235	275	200	258	310	200